

Bản án số:18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-3-2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lâm Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu L, thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 166 đường D, quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

-Đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn chị Lâm Thị C:

Chị Lâm Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Trại 3, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu L, thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 08/01/2020 nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công T kết hôn ngày 16/9/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vài năm thì có mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Tuy nhiên, đến tháng 4/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ chị có người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh cãi. Tháng 5/2016 thì chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó. Tháng 6/2016 thì chị đi lao động tại Đài Loan, khi sang Đài Loan thì chị và anh T rất ít liên lạc với nhau vì vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước, có liên lạc thì cũng chỉ để hỏi thăm con chung. Hiện nay chị vẫn đang trong thời gian lao động ở Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

-Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Công Q, sinh ngày 11/9/2003. Hiện nay con chung đang ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị giải quyết.

-Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị từ Đài Loan về Việt Nam thăm gia đình, thời gian ở Việt Nam của chị không lâu, chị lại phải tiếp tục quay lại Đài Loan nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T.

Chị cũng ủy quyền cho chị Lâm Thị L, sinh năm 1977; trú tại: Trại 3, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang nhận nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày: Anh và chị Lâm Thị C kết hôn ngày 16/9/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị C về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vài năm thì có mâu thuẫn. Tuy nhiên, đến tháng 4/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường

xuyên xảy ra tranh cãi và chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 6/2016 chị C đi lao động tại Đài Loan, từ khi sang Đài Loan thì anh chị ít liên lạc với nhau, có liên lạc cũng chỉ để hỏi thăm con chung. Hiện nay chị C vẫn đang trong thời gian lao động tại Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn chị C.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Công Q, sinh ngày 11/9/2003 như chị C trình là đúng. Hiện nay cháu Q đang ở với anh. Ly hôn anh đồng ý với ý kiến chị C là đề nghị Tòa án giao cháu Q cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị C và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị C và anh.

Cháu Nguyễn Công Q trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Công T và mẹ Lâm Thị C. Hiện nay cháu đang ở cùng bố. Cháu là học sinh lớp 11 Trường Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên tỉnh Bắc Giang. Cháu không mong muốn bố mẹ ly hôn. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố Nguyễn Công T. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho bố cháu được nuôi cháu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị C, bị đơn anh Nguyễn Công T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị C; bản tự khai của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Lâm Thị C, bị đơn anh Nguyễn Công T đều có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C và anh T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C. Xử cho chị Lâm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Công Q, sinh ngày 11/9/2003 cho anh Nguyễn Công T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Lâm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lâm Thị C và anh Nguyễn Công T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị C là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Đài Loan có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Công T, anh T có hộ khẩu thường trú Khu L, thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Lâm Thị C và anh Nguyễn Công T kết hôn ngày 16/9/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay, chị C khởi kiện xin ly hôn anh T. Xét yêu cầu khởi kiện của chị C. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn năm 2002 chị C về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi và chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2016 chị C đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Khi sang Đài Loan, vợ chồng ít liên lạc với nhau, có liên lạc cũng chỉ để hỏi thăm con chung. Từ năm 2016 đến nay thì chị C và anh T đã không còn quan tâm tới nhau nữa. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn anh T, anh T đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Xử cho chị C và anh T được ly hôn.

[4]. Về nuôi con chung:chị C, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Công Quảng, sinh ngày 11/9/2003. Hiện nay cháu Quảng đang ở với anh T. Ly hôn chị C, anh T đều đồng ý để anh T nuôi cháu Q.

Xét yêu cầu của chị C đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Công Q cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: hiện nay chị C đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Mặt khác, cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 11/9/2003 đã trên 7 tuổi cháu có đơn trình bày nguyện vọng ở với bố. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu và đề nghị của chị C. Giao cho anh Nguyễn Công T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Công Q đến khi cháu Q tròn 18 tuổi là phù hợp thực tế và nguyện vọng của cháu Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C, anh T không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ:chị C và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị C đã nộp đủ.

[7]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Công T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Công Q, sinh ngày 11/9/2003 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Lâm Thị C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000555 ngày 16/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị C đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị C hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn C, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

